

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HS-ST
Ngày: 21 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Ông Nguyễn Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/HSST-QĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 04/TB-MLPT ngày 14 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lương GE, sinh năm 1993, tại K – An Giang.

Nơi cư trú: tổ 03, ấp V1, xã T, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; anh chị em có 05 người, bị cáo là con út trong gia đình; chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 25/12/2017 và ngày 09/02/2018, Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang 02 lần kết án, mức hình phạt tổng hợp 03 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 22/02/2020, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Hải Kim S, sinh năm 1994, tại K – An Giang.

Nơi cư trú: tổ 07, khóm V, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Hoàng, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Lệ, sinh năm 1969; chưa có chồng, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 12/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố K quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng; ngày 24/5/2018, chấp hành xong.

Bị cáo tại ngoại; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/7/2020 đến ngày 17/9/2020; bị bắt tạm giam ngày 13/9/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Hoàng N, sinh năm 1996, nơi cư trú: Tổ 26, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1988; (vắng mặt).
- Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1980; (vắng mặt).
- Bà Lương Thị M, sinh năm 1990; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19/5/2020, Lương GE điều khiển xe mô tô chở Lê Hải Kim S lưu thông trên Quốc lộ 91, đoạn hướng từ huyện Tịnh Biên đến thành phố K, tỉnh An Giang. Trên đường, GE thấy xe mô tô, biển số 67D1 – 655.97 của Trần Hoàng N dừng trước quán giải khát của Nguyễn Thị P (thuộc tổ 08, ấp V1, xã T, thành phố K), không người trông giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô, bán lấy tiền tiêu xài. GE không bàn bạc trước mà kêu S một mình điều khiển xe về nhà trước, còn GE ở lại, lên vào, lấy trộm xe mô tô của N đem cất giấu tại nhà của GE (thuộc tổ 03, ấp V1, xã T, thành phố K). Khi GE mở cốp xe, lấy số tiền 2.545.000 đồng và nói cho Kim S biết vừa lấy trộm tiền, sau đó cùng S mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết. Phát hiện mất trộm xe mô tô, N trình báo cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô, biển số 67D1 – 655.97 (đã giao trả cho bị hại Trần Hoàng N); 01 áo sơ mi nam, dài tay, màu trắng chấm đen.

Kết luận định giá tài sản số 121/KL-ĐG ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K, xác định: xe mô tô, biển số 67D1 – 655.97, trị giá 14.000.000 đồng.

Ngày 22/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, lệnh tạm giam đối với Lương GE về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; ngày 17/7/2020

Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lê Hải Kim S về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số: 62/CT-VKSCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Lương GE về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Lê Hải Kim S về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo GE thừa nhận, vào khoảng 14 giờ ngày 19/5/2020 tại quán nước giải khát thuộc tổ 08, ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, quan sát thấy bị hại nằm vồng ngủ và trước quán có dựng 01 xe mô tô nên bị cáo dùng chìa khóa xe đã nhặt trước đó, ghim vào ổ khóa, nổ máy xe bỏ chạy về hướng thành phố K, chiếm đoạt xe mô tô của bị hại, trong cốp xe có số tiền 2.545.000 đồng; việc bị cáo chiếm đoạt xe mô tô của bị hại, S không biết; sau đó, khi S đem xe qua trả, bị cáo nói với S vừa chiếm đoạt được số tiền 2.545.000 đồng, rủ S cùng sử dụng số tiền này đi mua ma túy cùng nhau sử dụng thì S đồng ý. Bị cáo GE tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 2.545.000 đồng cho bị hại.

Bị cáo S thống nhất với lời trình bày của bị cáo GE, bị cáo không biết, không chứng kiến việc GE chiếm đoạt xe, khi mang xe lại trả cho GE thì GE nói cho bị cáo biết mới chiếm đoạt được tiền, rủ bị cáo cùng đi mua ma túy sử dụng thì bị cáo đồng ý. Bị cáo đang mang thai theo Phiếu khám thai ngày 14/9/2020 của Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang mà bị cáo cung cấp cho Tòa án.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo GE đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, hành vi của bị cáo Kim S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý nhà nước về tài sản do phạm tội mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, cần xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo GE có N thân xấu, thuộc thành phần lao động, không được đi học; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Kim S thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội

lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”; theo Phiếu khám thai ngày 14/9/2020 do bị cáo cung cấp tại phiên tòa thể hiện lòng tử cung có 01 thai, 16 tuần 05 ngày, như vậy tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/5/2020, bị cáo đang mang thai nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết “người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại các điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và bị cáo đang mang thai; do đó không cần thiết bắt chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo, việc cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương GE từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hải Kim S từ 06 (sáu) đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt bổ sung, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: 01 áo sơ mi nam, dài tay, màu trắng chấm đen không còn giá trị sử dụng, bị cáo GE không có yêu cầu nhận lại đề nghị tịch thu tiêu hủy; 01 xe mô tô, biển số 67D1 – 655.97 đã trao trả cho bị hại Trần Hoàng N nên không đề cập giải quyết lại.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo GE tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường số tiền 2.545.000 đồng cho bị hại, không yêu cầu bị cáo S cùng có trách nhiệm bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo GE có trách nhiệm bồi thường số tiền chiếm đoạt 2.545.000 đồng cho bị hại.

Bị cáo GE đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại; các bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo S hối hận về hành vi đã thực hiện, xin được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc thai do bị cáo đang mang thai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại Trần Hoàng N, người làm chứng Lê Văn L, Nguyễn Ngọc P, Lương Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét, những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung:

[4] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo GE khai nhận, do cần tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài, khoảng 14 giờ ngày 19/5/2020 khi quan sát thấy xe mô tô, biển số 67D1 – 655.97 của bị hại dựng trước quán cà phê của chị P không ai trông giữ nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo kêu S chạy xe về trước, còn bị cáo lên lại gần xe mô tô của bị hại, nhìn thấy bị hại đang ngủ, không ai để ý nên bị cáo lấy trong túi quần ra một chìa khóa xe đã nhặt trước đó, ghim vào ổ khóa, đề máy xe, bỏ chạy về hướng thành phố K và đem cất giấu xe mô tô vừa chiếm đoạt được tại nhà của bị cáo. Bị cáo dùng chìa khóa mở cốp xe thấy có số tiền 2.545.000 đồng để trong quyển sổ nên lấy bỏ vào túi quần. Khi Kim S đến, bị cáo nói cho S biết vừa lấy trộm được tiền, rủ S cùng mua ma túy sử dụng thì S đồng ý. Bị cáo điều khiển xe mô tô chở S đến khu vực đồn biên phòng Vĩnh Nguơn mua ma túy hết 2.000.000 đồng, sau đó đi đến khu trung tâm thương mại Núi Sam cùng S sử dụng ma túy và tiêu xài hết đối với số tiền 2.545.000 đồng.

Bị cáo Kim S khai nhận, việc bị cáo GE chiếm đoạt xe mô tô của bị hại N như thế nào bị cáo không biết, không chứng kiến. Vào khoảng 15 giờ ngày 19/5/2020, khi bị cáo đem xe lại nhà trả cho GE thì GE nói cho bị cáo biết vừa chiếm đoạt được 2.545.000 đồng, rủ bị cáo cùng đi mua ma túy sử dụng và tiêu xài thì bị cáo đồng ý. Bị cáo GE chở bị cáo đi mua ma túy, sau đó đến khu trung tâm thương mại Núi Sam cùng sử dụng ma túy. GE mua cho bị cáo 02 hũ kem và mua cho GE một sợi dây nịt, sau đó cả hai về lại nhà của GE được một lúc thì lực lượng Công an đến làm việc với GE và bị cáo.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các nguồn chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an xã Vĩnh Tế, thành phố K lập vào lúc 14 giờ 40 phút ngày 19/5/2020 (BL 01); biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp do Công an xã Vĩnh Tế lập vào lúc 21 giờ 00 phút ngày 19/5/2020 (BL 05,06); biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường ngày 19/5/2020 (BL 54-59); biên bản phát hiện thu giữ, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 19/5/2020 (BL 61, 62). Ngoài ra, còn phù hợp với vật chứng vụ án là xe mô tô, nhãn hiệu Wave,

màu sơn trắng đen bạc, biển số 67D1 – 655.97 đã thu giữ và giao trả lại cho bị hại.

Từ đó có căn cứ xác định, bị cáo GE đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của bị hại lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô, nhãn hiệu Wave, biển số 67D1 – 655.97 với giá trị được xác định là 14.000.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 121/KL-ĐG ngày 21/5/2020 và số tiền 2.545.000 đồng nên đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo GE là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Kim S, mặc dù biết số tiền 2.545.000 đồng là do bị cáo GE chiếm đoạt của người khác có được nhưng vẫn đồng ý cùng GE mua ma túy sử dụng và cùng tiêu xài đối với số tiền này. Do đó, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà cụ thể là trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo S là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn đồng ý cùng GE mua ma túy sử dụng và tiêu xài đối với số tiền bị cáo GE phạm tội mà có, được bị cáo thừa nhận tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Các bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân nhưng các bị cáo nghiện ma túy, lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng, bị cáo GE đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại; bị cáo S biết tài sản do bị cáo GE chiếm đoạt mà có nhưng vẫn đồng ý cùng tiêu thụ tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 25/12/2017 và ngày 09/02/2018, bị cáo GE bị Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang 02 lần kết án, với mức hình phạt tổng hợp 03 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản” (vụ phạm tội trước, xét xử sau; vụ phạm tội sau, xét xử trước; không xác định “Tái phạm”), chấp hành xong hình phạt ngày 22/02/2020, chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo GE phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thuộc thành phần lao động, bị cáo GE không biết chữ, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; đối với bị cáo GE có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo”. Bị cáo S có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “người phạm tội thành khẩn khai báo” và “người phạm tội là phụ nữ có thai”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Kim S, tính chất mức độ phạm tội được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hiện đang mang thai. Tại phiên tòa, bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải, hứa sẽ cải tạo. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; do đó, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo thuộc thành phần lao động, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, có nhiều chấm đen không còn giá trị sử dụng, bị cáo GE không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn trắng – đen – bạc, biển số 67D1 – 655.97 đã trao trả lại cho bị hại Trần Hoàng N nên không đề cập giải quyết lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lương GE có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 2.545.000 đồng.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo GE phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định. Bị cáo Kim S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lương GE phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lương GE: 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo GE được tính kể từ ngày 19/5/2020 (*mười chín tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Hải Kim S phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hải Kim S: 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án (21/9/2020).

Giao bị cáo Lê Hải Kim S cho Ủy ban N dân phường Núi Sam, thành phố K, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Lê Hải Kim S tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng, có nhiều chấm đen, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo GE có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Hoàng N số tiền 2.545.000 đồng (*hai triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Áp dụng Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lương GE phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Hải Kim S phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Lương GE, Lê Hải Kim S có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Trần Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung